

Bản án số 474/2021/HS-PT

Ngày 21-10-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;

Các Thẩm phán: bà Phan Thị Vân Hương;

ông Nguyễn Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 175/2021/TLHS-PT ngày 02 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo Lương Thị T1, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án số 171/2020/HS-ST ngày 24-11-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Bị cáo kháng cáo:

Lương Thị T1 sinh ngày 08-7-1988; trú tại: thôn KC, xã CK, huyện CC, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: trồng trọt; con ông Lương Văn H và bà Lô Thị X; có chồng là Phạm Văn S và 02 con; tiền án, tiền sự: không; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lâm Thị Thanh U- Công ty Luật BLS Việt Nam, cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An; có mặt.

- Người bị hại: chị Lương Thị Hồng N sinh năm 1993; trú tại: bản NK, xã YN, huyện TD, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà Kha Thị O (bản Na Khôm, xã Yên Na, huyện Tương Dương) và con gái là Lương Thị Hồng N bàn nhau về việc chị N sẽ đi sang Trung Quốc lao động. Sau đó, bà O sang nhà bà Lô Thị X trú cùng bản nói chuyện và hỏi bà X cách để đưa chị N sang Trung Quốc lao động. Bà X nói sang Trung Quốc chỉ để lấy chồng thì bà O đồng ý. Bà X điện thoại cho con gái là Lương Thị T1 nói về việc chị N muốn sang Trung Quốc lấy chồng, và nói T1 điện thoại cho Lương Thị T2 là em gái của T1, hiện đang lấy

chồng ở Trung Quốc. Đồng thời, bà X nhắn tin cho T1 số điện thoại của bà O để T1 trực tiếp liên lạc trao đổi với bà O. Sau khi trao đổi với bà X, bà O đã về nhà nói lại với chị N về việc đi Trung Quốc để lấy chồng thì chị N đồng ý. Còn T1 thì điện thoại cho T2 nói chị N muốn đi Trung Quốc lấy chồng nhưng có con nhỏ. T2 nói nếu có con nhỏ thì không đi được, nên T1 nói để vài năm nữa đi cũng được. Sau đó, T1 gọi điện cho bà O nói chị N con nhỏ không đi được thì bà O nói con nhỏ để bà O nuôi còn chị N đi để kiếm tiền nuôi con. Một lúc sau, T2 gọi điện về cho T1 nói nếu chị N muốn đi thì đưa đi.

Ngày 04-02-2014, T1 đến nhà bà X gặp bà O và chị N. Tại đây, T1 hỏi chị N đi Trung Quốc thì con như thế nào. Chị N trả lời sang Trung Quốc để kiếm tiền, còn con để bà O nuôi. T1 gọi điện cho T2 hỏi đi như thế nào, thì T2 nói bắt xe ra Móng Cái, rồi gọi điện cho cô L đến đón, cô L sẽ đưa sang, T2 sẽ gửi số điện thoại cô L cho T1. Nói xong, T1 đưa điện thoại cho T2 gặp bà O. Bà O hỏi T2 là N đi Trung Quốc lấy chồng thì gia đình được bao nhiêu tiền? T2 trả lời nếu N đi Trung Quốc lấy chồng thì gia đình được của hồi môn là 120.000.000 đồng. Bà O nói xong thì T1 cầm máy hỏi T2 nếu đưa chị N ra Móng cái thì T1 được trả bao nhiêu tiền, T2 nói trả cho T1 20.000.000 đồng, T1 đồng ý. T1 và chị N thống nhất tối ngày 05-02-2014 sẽ đi Trung Quốc. Sau đó, bà O hỏi chị N số tiền 120.000.000 đồng thì ai là người nhận. Chị N nói bà O nhận để sửa sang nhà cửa và nuôi con của chị N, coi như đây là tiền lao động của chị N. Tối ngày 05-02-2014, T1 và chị N bắt xe khách xuống nhà của T1 ngủ qua đêm. Sáng hôm sau, cả hai bắt xe khách đến ngã ba thị trấn Diễn Châu, huyện Diễn Châu, rồi bắt tiếp xe ra cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Khi đến cửa khẩu Móng Cái, T1 điện thoại cho một người phụ nữ tên L (không xác định được nhân thân, lai lịch). Một lúc sau thì có 01 người đàn ông không quen biết đến gặp T1. T1 đã giao chị N cho người đàn ông đó để đưa sang Trung Quốc, còn T1 quay về nhà. Người đàn ông đó đưa chị N sang Trung Quốc giao cho 01 người đàn ông khác để đưa đến nhà T2. Chị N ở tại nhà T2 (không xác định được địa chỉ) khoảng 14 ngày thì T2 phát hiện chị N đang mang thai hơn 4 tháng. T2 bán chị N cho một người đàn ông Trung Quốc để làm vợ.

Khoảng 01 tháng sau, T2 gửi về cho T1 số tiền 125.000.000 đồng. T2 nói với T1 đưa cho bà O 105.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng là tiền công T1 đưa chị N đi sang Trung Quốc. T1 đã ra Ngân hàng Nông nghiệp huyện Tương Dương rút số tiền 125.000.000 đồng rồi đưa cho bà O 105.000.000 đồng, số tiền 20.000.000 đồng còn lại T1 cất riêng và đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau một thời gian chung sống với chồng tại Trung Quốc, chị N biết chồng mình tên là Lu L, trú tại: Rền HT, xã UA, huyện HT, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc. Lu L nói đã mua chị N với giá 6,5 vạn nhân dân tệ (tương đương 195.000.000 đồng). Tháng 5/2019, chị N trốn về Việt Nam. Sau khi biết T1 đã bán chị N lấy chồng để trục lợi, ngày 27-4-2020, chị N đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tương Dương tố cáo Lương Thị T1.

Tại Cáo trạng số 195/CT/VKS-P2 ngày 24-9-2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Lương Thị T1 về tội “Mua bán người” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại Bản án số 171/2020/HS-ST ngày 24-11-2020, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Lương Thị T1 05 năm tù về tội “Mua bán người”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09-12-2020, bị cáo Lương Thị T1 có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và xin giảm hình phạt, xin được hưởng án treo, lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị hại có nguyện vọng lấy chồng nước ngoài, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có ý kiến, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Lương Thị T1 05 năm tù về tội “Mua bán người” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự là đúng; đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn cho rằng số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo T1 nhận của Lương Thị T2 là do phạm tội mà có. Tòa án cấp sơ thẩm không quyết định tịch thu số tiền này là không đúng; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ của vụ án chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Do được giới thiệu chị Lương Thị Hồng N có nguyện vọng đi sang Trung Quốc lấy chồng để có tiền gửi về nuôi con, nên ngày 05-02-2014, Lương Thị T1 đã đưa chị N ra cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh giao cho một người đàn ông không quen biết đưa sang Trung Quốc giao cho Lương Thị T2 theo yêu cầu của T2 để bán chị N cho người nước ngoài làm vợ; sau đó, T2 đã bán chị N cho 01 người đàn ông Trung Quốc lấy làm vợ với giá 6,5 vạn nhân dân tệ (tương đương 195.000.000 đồng tiền Việt Nam); trong đó Lương Thị T1 chiếm hưởng 20.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm kết án Lương Thị T1 về tội “Mua bán người” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, không oan.

Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn; đây là các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo là thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết của vụ án và nhân thân bị cáo xử phạt Lương Thị T1 05 năm tù (mức thấp nhất của khung hình phạt) là có căn cứ, đúng pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[2]. Đối với số tiền 20.000.000 đồng liên quan đến tội phạm: trong vụ án này bị cáo được chiếm hưởng 20.000.000 đồng; số tiền này là do bị cáo phạm tội mà có, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không quyết định tịch thu. Sau khi xét xử sơ thẩm, phần xử lý số tiền liên quan đến tội phạm nêu trên không bị kháng nghị phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo nộp đơn xin giảm hình phạt của bị hại (đơn có xác nhận vào ngày 23-02-2021 của chính quyền địa phương) thể hiện việc bị cáo đã tự nguyện trả số tiền 20.000.000 đồng nêu trên cho bị hại và bị hại đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo; do đó, không có căn cứ tịch thu số tiền này theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

[4]. Bị cáo Lương Thị T1 phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Thị T1 và giữ nguyên Bản án số 171/2020/HS-ST ngày 24-11-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An như sau:

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Lương Thị T1 05 năm tù về tội “Mua bán người”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm nêu trên đã có hiệu lực pháp luật.

3. Bị cáo Lương Thị T1 phải nộp 200.000 đồng án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Công an tỉnh Nghệ An;
- Cục T.H.A DS tỉnh Nghệ An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tất Nam

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường

Phan Thị Vân Hương

Nguyễn Tất Nam

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tp. Hà Nội;
- VKSND tp. Hà Nội;
- Công an tp. Hà Nội;
- Cục T.H.A DS tp. Hà Nội;
- Bị cáo Trần Văn Hồng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Hồng Sơn

Phan Thị Vân Hương

Nguyễn Tất Nam

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Ninh
(02 bản để giao cho bị cáo Việt 01 bản);
- Cục T.H.A DS tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tự Học

Hoàng Văn Hạnh

Nguyễn Tất Nam

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Công an tỉnh Hà Nam;
- Cục T.H.A DS tỉnh Hà Nam;
- Các bị cáo kháng cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam

